

**CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 141/NMĐSH1-TM

Hậu Giang, ngày 24 tháng 01 năm 2025

V/v cung cấp báo giá hàng hóa cho gói thầu
GT2025-SCĐK-21- Mua sắm VTTT phần Cơ
nhiệt (Hệ thống Flue)

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh phát điện Dầu khí/ Nhà máy Điện Sông Hậu 1 (NMNĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai mua sắm cho gói thầu GT2025-SCĐK-21- Mua sắm VTTT phần Cơ nhiệt (Hệ thống Flue), NMNĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá cho hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc:

- Danh mục hàng hóa: như Phụ lục đính kèm
- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành tối thiểu 12 tháng, sản xuất từ năm 2023 trở lại đây.
- Cung cấp tài liệu nhà sản xuất, cung cấp CO, CQ/các tài liệu liên quan khác.

2. Tiến độ cung cấp: Nhà cung cấp chào thời gian tốt nhất để Nhà máy xem xét.

3. Địa điểm giao hàng: Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Thị Trấn Mái Dầm, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang.

4. Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ ngày báo giá.

5. Thời gian gửi báo giá: trước 10h00 ngày 10/02/2025.

6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email.

7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng Thương mại – NMNĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Email: giangtth@pvpgb.vn; hanhhlx@pvpgb.vn; dongpv@pvpgb.vn

NMNĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./. ✓ 

Nơi nhận:

- Như trên;
- GĐ nhà máy (để b/c);
- Phòng: KTATMT;
- Lưu VT, TM (P.V.Đ).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC,**



Nguyễn Văn Chính

PHỤ LỤC: DANH MỤC VẬT TƯ THAY THẾ
GT2025-SCĐK-21- VẬT TƯ THAY THẾ PHẦN CƠ NHIỆT (FLUE SYSTEM)

Đính kèm Công văn số: 444.../NMĐSH1-TM, ngày 24/01/2025 của NMNĐ Sông Hậu 1

STT	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Mã vị trí/vị trí lắp	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
	Damper đường khói gió						
	FD FAN OUTLET	Duct Inside Size (mm) (H x W) 3000 x 4200	UNISON Etech				
1	LINKAGE	25A SHC80 Material: A53B		No: 06	8	PC	
2	SEAL PLATE	PL-0,25t Material: ASTM B575		No: 12	4	PC	
3	BEARING	150 x 150 x Ø60 Material: CARBON STEEL		No: 14	12	PC	
4	GLAND PACKING	Size: 3/8" Material: TEFLON		No: 19	28	PC	
	COLD SECONDARY AIR BALANCING	Duct Inside Size (mm) (H x W) 1150 x 1150	UNISON Etech				
5	LINKAGE	20A SHC80 Material: A53B		No: 06	4	PC	
6	SEAL PLATE	PL-0,25t Material: ASTM B575		No: 12	4	PC	
7	BEARING	115 x 115 x Ø40 Material: CARBON STEEL		No: 14	8	PC	
8	GLAND PACKING	Size: 3/8" Material: TEFLON		No: 19	24	PC	





STT	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Mã vị trí/vị trí lắp	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
	AIR PREHEATER SECONDARY AIR OUTLET	Duct Inside Size (mm) (H x W) 4350 x 4350	UNISON Etech	No: 06	12	PC	
9	LINKAGE	25A SHC80 Material: A53B					
10	SEAL PLATE	PL-0,25t Material: ASTM B575					
11	BEARING	170 x 170 x Ø70 Material: CARBON STEEL					
12	GLAND PACKING	Size: 3/8" Material: GRAPHITE	UNISON Etech	No: 19	48	PC	
	SECONDARY AIR TO WINDBOX	Duct Inside Size (mm) (H x W) 1700 x 2230					
13	LINKAGE	20A SHC80 Material: A53B					
14	BEARING	135 x 135 x Ø50 Material: CARBON STEEL					
15	GLAND PACKING	Size: 3/8" Material: GRAPHITE	UNISON Etech	No: 19	120	PC	
	OVERFIRE AIR TO WINDBOX	Duct Inside Size (mm) (H x W) 1810 x 1660					
16	LINKAGE	20A SHC80 Material: A53B					
17	BEARING	135 x 135 x Ø50 Material: CARBON STEEL					
18	GLAND PACKING	Size: 3/8" Material: GRAPHITE		No. 19	48	PC	

STT	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Mã vị trí/vị trí lắp	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
	CARRIER AIR TO BURNER	Dia. x 168.3 Type: Manual Pressure (bar(g)): 0,0873 Temperature (oC): 370 Leakage (%): Max 4% number of blade: 1 Approx. damper weight (kg): 90 Approx. shipping weight (kg): 90					
19	GASKET	3t Material: GRAPHITE		No. 08	100	PC	
20	GLAND PACKING	Size: 1/4" Material: GRAPHITE		No. 14	100	PC	
	PA FAN OUTLET	Duct Inside Size (mm) (H x W) 2300 x 2300	UNISON Etech				
21	LINKAGE	25A SHC80 Material: A53B		No. 06	8	PC	
22	SEAL PLATE	PL-0,25t Material: ASTM B575		No. 12	4	PC	
23	BEARING	115 x 115 x Ø40 - GM Material: CARBON STEEL		No. 14	12	PC	
24	GLAND PACKING	Size: 3/8" Material: TEFLON		No. 19	36	PC	
	TEMPERING AIR DUCT	Duct Inside Size (mm) (H x W) 1310 x 1310	UNISON Etech				
25	LINKAGE	20A SHC80 Material: A53B		No. 06	4	PC	

STT	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Mã vị trí/vị trí lắp	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
26	SEAL PLATE	PL-0,25t Material: ASTM B575		No. 12	4	PC	
27	BEARING	115 x 115 x Ø40 Material: CARBON STEEL		No. 14	8	PC	
28	GLAND PACKING	Size: 3/8" Material: TEFLON		No. 19	24	PC	
	AIR PREHEATER PRIMARY AIR OUTLET	Duct Inside Size (mm) (H x W) 2100 x 2100	UNISON Etech				
29	LINKAGE	25A SHC80 Material: A53B		No.06	4	PC	
30	SEAL PLATE	PL-0,25t Material: ASTM B575		No.12	4	PC	
31	BEARING	150 x 150 x Ø60 Material: CARBON STEEL		No.14	8	PC	
32	GLAND PACKING	Size: 3/8" Material: GRAPHITE		No.19	24	PC	
	HOT PA TO EACH PULVERIZER	Duct Inside Size (mm) (H x W) 2100 x 1710	UNISON Etech				
33	LINKAGE	20A SHC80 Material: A53B		No. 06	30	PC	
34	BEARING	115 x 115 x Ø40 Material: CARBON STEEL		No. 13	40	PC	
35	GLAND PACKING	Size: 3/8" Material: GRAPHITE		No. 19	96	PC	
	COLD PA TO EACH PULVERIZER	Duct Inside Size (mm) (H x W) 950 x 950	UNISON Etech				

STT	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Mã vị trí/vị trí lắp	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
36	LINKAGE	20A SHC80 Material: A53B		No. 06	10	PC	
37	BEARING	115 x 115 x Ø40 Material: CARBON STEEL		No. 13	20	PC	
38	GLAND PACKING	Size: 3/8" Material: TEFLON		No. 19	60	PC	
	MIXED AIR TO EACH PULVERIZER	Duct Inside Size (mm) (H x W) 1710 x 1710	UNISON Etech				
39	SEAL PLATE	PL-0,25t Material: ASTM B575		No. 16	10	PC	
40	GLAND PACKING	Size: 1/2" Material: GRAPHITE		No. 11	80	PC	
	Khớp nối giảm nở đường khói gió		DMT				
	Tempering air duct to mixed	ID 950x950	DMT				
41	BELLOWS	SEE DETAIL		No: 1	3	PC	
42	INSULATION	Material: MINERAL		No: 3	3	PC	
	Pri. Mixed air duct to mills	ID 1710x1710	DMT				
43	BELLOWS	SEE DETAIL		No: 1	1	PC	
44	INSULATION	Size: MINERAL WOOL Material: MINERAL		No: 3	1	PC	
	Pri. Mixed air duct to mills inlet	ID 1400x2200	DMT				
45	BELLOWS	SEE DETAIL		No: 1	2	PC	

STT	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Mã vị trí/vị trí lắp	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
46	INSULATION	Material: MINERAL		No: 3	2	PC	

Yêu cầu khác:

- Nhà cung cấp chào giá hàng hóa ghi rõ NSX và xuất xứ hàng hóa để Nhà máy xem xét;
- Địa điểm giao hàng: Kho vật tư, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang;
- Chất lượng hàng hóa:
 - + Hàng hóa phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2023 trở lại đây;
 - Chứng từ kèm theo hàng hóa:
 - + Hàng hóa phải có đầy đủ CO, CQ (bản gốc hoặc bản photo công chứng) do cơ quan có thẩm quyền cấp/tài liệu có tính chất tương tự;
 - + Bảo hành theo tiêu chuẩn NSX: tối thiểu 12 tháng kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu hàng hóa đưa vào sử dụng.
 - + Tài liệu của nhà sản xuất hàng hóa.
 - + Nhà cung cấp được tạm ứng 10% giá trị hàng hóa trước thuế trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực. Giá trị tạm ứng này sẽ được thu hồi dần qua các đợt thanh toán và phải bảo đảm thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá trị hợp đồng, tỷ lệ thu hồi tạm ứng từng đợt thanh toán là 12,5% giá trị thanh toán trước thuế của từng đợt.
 - + Nhà cung cấp sẽ được thanh toán 95% giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo từng đợt giao hàng (sau khi trừ giá trị thu hồi tạm ứng, giá trị phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại (nếu có)). 05% giá trị giữ lại sẽ được hoàn trả cho Nhà cung cấp khi kết thúc thời hạn bảo hành và Hai Bên ký biên bản quyết toán Hợp đồng. Nhà cung cấp có thể thay thế tiền giữ lại bằng thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo mẫu được Chủ đầu tư chấp nhận với số tiền tương đương giá trị giữ lại.



[Handwritten signature in blue ink]